

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 10/6/2020

V/ v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và bà Nguyễn Thị Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Ánh Vân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 149/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐXX-PT ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi T.T , sinh năm 1975.

HKTT: Tổ 10, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn V.N, sinh năm 1972.

HKTT: Tổ 10, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn V.N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi T.T trình bày: Chị và anh N kết hôn với nhau năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối ai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong quá

trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên tranh cãi, từ đó anh N thường xuyên đi không về nhà, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nên từ đó ly thân. Anh N có những lời nói, hành động xúc phạm đến chị và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của chị. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu lớn là Nguyễn T.D L, sinh năm 1997 (đã trưởng thành), con thứ hai là cháu Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Tr do cháu còn nhỏ và yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Tr là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn V.N trình bày: Thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, theo anh nguyên nhân là do anh thấy chị T có biểu hiện ngoại tình, anh đã bỏ qua nhưng chị T vẫn tiếp diễn và bỏ đi. Về việc chị T ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Như chị T trình bày là đúng. Do anh không muốn ly hôn nên anh không đưa ra quan điểm về việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do anh không muốn ly hôn nên anh không đưa ra quan điểm về tài sản chung, nợ chung.

Với nội dung trên, tại bản án số 149/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi T.T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi T.TT được ly hôn anh Nguyễn V.N.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T, anh N có 02 con chung, con thứ nhất đủ 18 tuổi (đã trưởng thành) Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, con chung thứ 2 là Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007. Giao cho chị Bùi T.T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn T.Tr ngày 29/12/2007 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn V.N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007 cho chị Bùi T.T với mức 1.000.000đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng) tính từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của

con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi T.T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002179 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN. Anh Nguyễn V.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2019 anh Nguyễn V.N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh Nam cho rằng anh không muốn vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa phúc thẩm bác đơn ly hôn của chị T. Trường hợp Tòa chấp nhận đơn ly hôn của chị T anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh N làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh N về việc anh không đồng ý ly hôn với chị T, đề nghị Tòa phúc thẩm bác đơn ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, chị T xác định hai vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh N hiện không còn quan tâm, yêu thương nhau. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, hơn nữa trong thời gian này anh Nam đi làm xa và không có động thái nào cải thiện mối quan hệ của hai bên. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Thủy giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh N nên kháng cáo của anh về quan hệ hôn nhân là không có cơ sở chấp nhận.

[3.] Về con chung: Anh N kháng cáo xin nuôi con chung cháu Nguyễn T.Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về con chung chị T và anh N trong quá trình chung sống có hai con chung là Nguyễn T.D.L (đã trưởng thành) và cháu Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên và giao cho chị Bùi T.T trực tiếp chăm sóc, giáo dục con Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007 cho đến khi

con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm anh N không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới chứng minh về việc chị T không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo được nuôi con là cháu Nguyễn T.Tr của anh N, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4.] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Namphải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Về án phí, anh N phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của anh Nguyễn V.N, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 149/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi T.T được ly hôn với anh Nguyễn V.N.
2. Về con chung: Vợ chồng anh N chị T có 02 con chung, con thứ nhất là Nguyễn T.D.L (đã trưởng thành), Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con thứ hai là cháu Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007 giao cho chị Bùi T.T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tr cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng: Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung là Nguyễn T.Tr, sinh ngày 29/12/2007 là 1.000.000đ/tháng tính từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N, chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Chị Bùi T.T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002179 ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Anh

Nguyễn V.N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận anh N đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002526 ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn V.N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thuận